

SỬ DỤNG VỐN CON NGƯỜI VÀ VỐN XÃ HỘI TRONG CHIẾN LƯỢC SINH KẾ CỦA CƯ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TẠI ĐÀ NẴNG

 **LƯU THÚY LIÊN***

Mở đầu

Vốn con người và vốn xã hội là hai trong năm loại vốn được ghi nhận khi đề cập đến khái niệm sinh kế. Năm 2001, DFID (cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh) đã đưa ra khái niệm về sinh kế để hướng dẫn cho các hoạt động hỗ trợ của mình, theo đó, sinh kế “bao gồm khả năng, nguồn lực cùng các hoạt động cần thiết làm phương tiện sống cho con người”, cụ thể là: nguồn vốn con người, nguồn vốn tự nhiên, nguồn vốn tài chính, nguồn vốn vật chất và nguồn vốn xã hội. Đó chính là 5 loại vốn, tài sản mà mỗi hộ gia đình/cộng đồng cần có để đáp ứng nhu cầu sinh kế. Việc sử dụng các loại vốn này như thế nào sẽ mang lại hiệu quả về mặt sinh kế tương ứng. Ở thành phố Đà Nẵng, sau tái định cư, vốn tự nhiên và vốn vật chất không còn đóng vai trò quyết định sinh kế ở khu vực đô thị, vốn tài chính lại càng trở nên riêng tư, khó tìm được mẫu số chung, trong khi đó, vốn con người và vốn xã hội trong môi trường đô thị hóa lại đặc biệt quan trọng.

1. Sử dụng vốn con người trong chiến lược sinh kế của cư dân tái định cư tại Đà Nẵng

Theo DFID, vốn con người đại diện cho các kỹ năng, tri thức, khả năng làm việc và sức khỏe tốt, tất cả cộng lại tạo điều kiện giúp con người theo đuổi các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được các mục tiêu sinh kế. Vấn đề “vốn con người” được đặt ra khi sự phát triển kinh tế đạt tới độ chững bởi sự tăng trưởng theo chiều rộng (tăng vốn đầu tư và lao động giản đơn) và cần sự phát triển theo chiều sâu (với sự đầu tư vào công nghệ và con người). Các mô hình tăng trưởng được đề xướng bởi các lý thuyết gia thế kỷ XX như Solow - Swan và Garry Beker (thập niên 50), Schultz (thập niên 60), Romer (thập niên 80) đã



xác định nội hàm “vốn con người” và vai trò của vốn con người trong phát triển quốc gia. Về cơ bản, các lý thuyết đã chỉ ra năm yếu tố cấu thành của vốn con người, gồm: tình trạng sức khỏe, năng lực, ý tưởng, kỹ năng và cơ hội việc làm; các yếu tố nhằm gia tăng vốn con người, gồm: đào tạo tại chỗ, giáo dục chính quy và sự thay đổi môi trường làm việc để tìm kiếm các cơ hội việc làm tốt hơn. Trong các yếu tố làm gia tăng vốn con người, giáo dục chính quy được coi là nhân tố quan trọng nhất.¹ Ở cấp độ hộ gia đình, vốn con người là yếu tố về số lượng và chất lượng lao động của hộ; yếu tố này khác nhau tùy thuộc vào quy mô của hộ, trình độ giáo dục và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng quản lý, tình trạng sức khỏe, tri thức về các cấu trúc sở hữu chính thống và phi chính thống (như các quyền, luật pháp, chuẩn mực, cấu trúc chính quyền, các thủ tục...).

Cư dân tái định cư thành phố Đà Nẵng sau khi di dời, tái định cư đã có nhiều thay đổi. Một số yếu tố như những kỹ năng nghề, tri thức bản địa vốn có trong các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp... bị lãng quên do không còn được thực hành, vận dụng

* ThS., Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng.

thường xuyên như trước, trong khi đó, trình độ, kỹ năng phục vụ cho sinh kế mới lại chưa được đầu tư, nâng cao một cách đúng mức. Nếu như trước tái định cư, các tri thức bản địa, các hiểu biết về nông nghiệp, ngư nghiệp của người dân là yếu tố then chốt trong nguồn lực con người của những cư dân vốn lấy nông nghiệp, ngư nghiệp làm sinh kế chủ đạo thì sau tái định cư, những tri thức bản địa này đã giảm bớt phần ý nghĩa. Đáng lưu ý là trong khi tri thức bản địa liên quan đến ngư nghiệp của những cư dân tái định cư làm ngư nghiệp là nguồn vốn quan trọng thì những tri thức bản địa liên quan nông nghiệp của những cư dân tái định cư làm nghề nông dường như không có "đất dụng võ". Thay vào đó, trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH - HĐH) yêu cầu cư dân tái định cư phải có trình độ học vấn, trình độ tay nghề, chuyên môn nhất định để tiếp thu khoa học công nghệ cũng như các tri thức khoa học để phục vụ cho sinh kế của mình.

Ý thức được sự thay đổi đó, một bộ phận đáng kể cư dân tái định cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã thực hiện hành động đầu tư cho nguồn vốn con người, tập trung vào học tập, nâng cao trình độ. Với mong muốn bản thân, con em mình thoát ly ra khỏi ruộng đồng, có được một việc làm phi nông nghiệp như công nhân trong các công ty liên doanh, các nhà máy xí nghiệp ở địa phương nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống lâu dài, tham gia học nghề theo khuyến khích và định hướng của chính quyền địa phương và tự học tập nâng cao trình độ là một trong những hành động, kế hoạch mà cư dân tái định cư Đà Nẵng đầu tư. Bên cạnh đó, một số cư dân tái định cư, chủ yếu làm nghề đánh bắt, khai thác và chế biến thủy hải sản lại trao truyền cho nhau những tri thức truyền thống. Việc trao truyền, trau dồi các kinh nghiệm truyền thống này thường được thực hiện trong nội bộ cộng đồng. Theo một số nghiên cứu, việc trao truyền truyền thống văn hóa có khả năng cung cấp các lựa chọn cho chiến lược sinh kế, như các cộng đồng nông thôn Kandyen ở Sri Lanka đã thể hiện khả năng phục hồi sinh kế dựa trên những truyền thống văn hóa lâu

đời cho sự sống còn của họ.² Về phía chính quyền, Đà Nẵng là một trong những địa phương đặt vấn đề đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... là mục tiêu trọng tâm, vì vậy, thành phố cũng rất xem trọng việc đào tạo nghề đối với người dân tái định cư. Chính sách đào tạo nghề mà thành phố đề ra là chính sách chung cho nhiều đối tượng, trong đó tập trung cho đối tượng là cư dân Đà Nẵng thuộc diện gia đình chính sách³, bao gồm cư dân tái định cư ở thành phố. Nội dung của chính sách này là đào tạo nghề miễn phí tại các cơ sở dạy nghề, hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đến tiếp nhận và đào tạo lao động phổ thông thuộc diện chính sách. Các hộ nông dân thuộc diện thu hồi đất sản xuất, di dời, giải tỏa phải chuyển đổi ngành nghề sẽ được hỗ trợ học phí cho con cái đang học văn hóa tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, bao gồm cả công lập và ngoài công lập trên địa bàn với mức hỗ trợ cụ thể là 100% học phí trong thời hạn 3 năm cho các hộ thuộc diện thu hồi từ 50% diện tích đất sản xuất trở lên; 50% học phí trong thời hạn 3 năm cho các hộ thuộc diện thu hồi dưới 50% diện tích đất sản xuất...

Tuy nhiên, những năm qua, số lượng cư dân tái định cư được đào tạo nghề không nhiều.

Năm 2011, số lượng lao động tái định cư được đào tạo nghề đạt mức cao nhất là 659 người, trong khi đó, cũng vào năm này, số lao động bị mất việc làm do thu hồi đất nông nghiệp lên đến 10.172 người, như vậy, số lao động được đào tạo nghề chiếm chưa đến 6,5%. Tỷ lệ này vẫn kéo dài cho đến những năm sau, thậm chí giảm mạnh vào năm 2013, khi số lượng lao động tái định cư được đào tạo nghề là 88 người, trong khi số lượng lao động bị mất việc làm do thu hồi đất nông nghiệp là 8.499 người⁴, chỉ đạt tỷ lệ 1,03%.

Tình trạng số lượng cư dân tái định cư được đào tạo nghề chiếm tỷ lệ thấp như vậy xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân bắt nguồn từ sự thiếu hụt trình độ văn hóa, giáo dục cơ bản (trình

Bảng 1. Số lượng lao động tái định cư được đào tạo nghề từ năm 2010 đến năm 2016

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Số lượng lao động tái định cư được đào tạo nghề	499	659	120	88	108	90	216

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017.

độ tiểu học và trung học cơ sở) chủ yếu của lao động trung niên và lớn tuổi, có nguyên nhân bắt nguồn từ sự mơ hồ, thiếu niềm tin về công ăn việc làm sau khi hoàn tất khóa học trong bối cảnh kinh tế - xã hội biến động theo hướng lạm phát liên tục nhiều năm của những lao động trẻ. Bên cạnh đó, hình thức và ngành nghề đào tạo tại các cơ sở đào tạo dành cho cư dân tái định cư chưa thực sự phù hợp và nhạy bén để đáp ứng kịp nhu cầu thị trường những năm trở lại đây. Vì vậy, hiệu quả mang lại của các kế hoạch đào tạo nghề cho cư dân tái định cư không cao.

2. Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của cư dân tái định cư Đà Nẵng

Các cá nhân và hộ gia đình tự bảo vệ mình khỏi những cú sốc và căng thẳng không chỉ bằng cách làm việc, tiết kiệm và đầu tư, mà còn dựa vào các mối quan hệ và mạng lưới xã hội, nghĩa là phải sử dụng vốn xã hội. Cũng theo DFID, vốn xã hội là các nguồn lực xã hội mà con người sử dụng để theo đuổi các mục tiêu sinh kế của mình, bao gồm quan hệ, mạng lưới, thành viên nhóm, niềm tin, sự phụ thuộc lẫn nhau và trao đổi cung cấp các mạng thông tin chính thống quan trọng. Vốn xã hội được xây dựng trên cơ sở các cá nhân cùng chia sẻ những chuẩn mực và quy tắc để tạo nên sự tin cậy lẫn nhau. Sự tin cậy này cho phép các cá nhân quan hệ và hợp tác với nhau nhằm tạo ra các mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như gia đình, dòng họ, nơi cư trú (nông thôn, đô thị), học vấn, giới tính, địa vị xã hội, tôn giáo...⁵ mà khả năng sản sinh ra vốn xã hội là khác nhau ở mỗi cá nhân. Không được hình thành từ sự phát triển thương nghiệp như những đô thị khác trong cả nước, đô thị Đà Nẵng đa số hình thành từ sự mở rộng diện tích đất đai đô thị. Nên, dù sống trong môi trường đô thị với quá trình CNH - HĐH, cư dân Đà Nẵng lại không hẳn mang tính thị dân, cũng không hẳn mang tính nông dân. Vì vậy, trong vốn xã hội của mình, sau tái định cư, họ vẫn để ý đến đa dạng các nguồn vốn xã hội. Nếu hiểu khái niệm vốn xã hội để cập đến "khả năng một cá nhân có được vật chất có giá trị hay hàng hóa biểu tượng dựa vào mối quan hệ xã hội của cá nhân, tư cách thành viên nhóm hay khả năng của một số đồng người hưởng lợi ích từ hành động tập thể nhờ vào sự tham gia xã hội của họ, tin vào các thiết chế, cam kết với những phương cách được thiết lập để hành động", khả năng đầu được gọi là "vốn xã hội có tính quan hệ" và khả năng sau gọi là "vốn xã hội có tính thiết chế"⁶, cư dân Đà Nẵng nỗ lực

để đạt được cả hai loại vốn này, bởi trước mỗi vấn đề hoặc tùy từng vấn đề cần hỗ trợ, họ luôn tìm đến ba nguồn cung cấp thông tin và giúp đỡ là gia đình, họ hàng, bạn bè, xóm giềng, đồng nghiệp và các tổ chức xã hội ở địa phương. Vấn đề đặt ra là cư dân tái định cư đã sử dụng các mối quan hệ xã hội mà họ có được vào chiến lược sinh kế của họ như thế nào trong bối cảnh CNH - HĐH đang ngày càng tác động mạnh mẽ đến đời sống và sản xuất.

Đối với vốn xã hội có tính quan hệ, sau tái định cư, thiết chế cộng đồng và mạng lưới xã hội bị phá vỡ, các mối quan hệ họ hàng thân thích cũng bị ảnh hưởng; các yếu tố truyền thống, văn hóa và tình tương thân tương ái có thể bị mất đi. Nếu như trước di dời, tái định cư, người dân cùng không gian sinh sống, cùng chung sinh hoạt cộng đồng và tín ngưỡng thì sau khi được bố trí tái định cư, trước hiện tượng "chia đàn xẻ nghề" và nhu cầu bức thiết cần phải nhanh chóng ổn định cuộc sống cho bản thân, gia đình thì các sinh hoạt cộng đồng không còn được duy trì. Nhiều nghiên cứu cho rằng, việc tiêu hủy các mạng lưới xã hội không chỉ dẫn đến việc tước quyền sở hữu của họ và đe dọa đến sinh kế, mà còn khiến họ dễ bị tổn thương, bởi những mạng lưới xã hội truyền thống đóng vai trò cung cấp sinh kế quan trọng khác trong nền kinh tế truyền thống. Lúc này, vốn xã hội của họ tập trung vào mạng lưới gia đình là chủ yếu. Yêu cầu sự giúp đỡ từ người thân trong thời điểm khó khăn đã được thực hiện như một chiến lược đối phó chính cho người nghèo thành thị.⁷

Đối với vốn xã hội có tính thiết chế, khi vốn xã hội có tính quan hệ giảm bớt thì vốn xã hội có tính thiết chế được tăng lên. Cư dân tái định cư Đà Nẵng đã tìm kiếm những mạng lưới xã hội khác để thay thế mạng lưới xã hội cũ của họ, và trong bối cảnh cư trú tường rào, cổng ngõ tách biệt, họ bắt buộc phải tìm đến vốn xã hội có tính thiết chế. Ngoài các gia đình và hộ gia đình, yêu cầu sự giúp đỡ từ các nhóm, tổ chức mà họ là thành viên (như tổ chức cộng đồng, các hội nghề nghiệp, các nhóm sở thích, các nhóm tín ngưỡng, các nhóm phi chính thức động) được cư dân tái định cư Đà Nẵng sử dụng ngày càng nhiều hơn. Bởi nhu cầu liên kết phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm được thỏa mãn ý nguyện, sở thích chính là nhu cầu cơ bản ngày càng tăng của con người. Nói là phi lợi nhuận nhưng đến một lúc nào đó, những mạng lưới này sẽ hỗ trợ góp phần khai thác tạo lợi nhuận thông qua những trao đổi thông tin, kiến thức, kinh nghiệm nhằm tìm

kiếm kế sinh nhai. Bên cạnh đó, niềm tin của con người trong xã hội cũng là một loại vốn xã hội mà cư dân tái định cư Đà Nẵng sử dụng thể hiện qua việc họ ngày càng có ý thức pháp luật hơn. Nhìn tổng thể, người dân ngày càng quan tâm hơn đến pháp luật, từ đó cũng có ý thức trong việc tuân thủ những quy định chung của cộng đồng, chẳng hạn, ngày càng có nhiều người dân đổ rác đúng nơi quy định. Tuy nhiên, trong các quan hệ con người và cả quan hệ công việc thì ý thức “sống theo luật pháp” vẫn chưa có chuyển biến mạnh mẽ...⁸ Với mạng lưới hạn chế, khả năng để đối phó với những cú sốc của các hộ gia đình này giảm đáng kể.

Về phía chính quyền, thành phố Đà Nẵng đã có nhiều động thái tác động đến các doanh nghiệp thông qua chính sách hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp tiếp nhận và đào tạo lao động phổ thông, gần với giải quyết việc làm sau thời gian học nghề tại doanh nghiệp⁹ (được hỗ trợ mức kinh phí đào tạo nghề ngắn hạn 500.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 3 tháng cho một khóa đào tạo). Đồng thời, tổ chức kết nối giữa các trường và các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Từ sau thời điểm thành phố cho ra đời chính sách hỗ trợ doanh nghiệp này vào năm 2011, có khá nhiều người dân được nhận vào doanh nghiệp, khu công nghiệp và cụm kinh tế nhỏ.

Ngoài những hành động hỗ trợ trực tiếp, chính quyền thành phố Đà Nẵng còn thực hiện những hành động hỗ trợ gián tiếp thông qua phát triển hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm và tư vấn hướng nghiệp để cung cấp thông tin, dự báo, chấp nối cung cầu lao động đối với người dân tái định cư, hướng đến cải thiện sự tiếp cận của lao động từ các hộ thuộc diện giải tỏa, tái định cư đối với cơ hội tiếp cận và có được việc làm phi nông nghiệp. Công tác hỗ trợ giới thiệu và giải quyết việc làm thông qua Trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm, các Chợ việc làm lưu động được thực hiện thành công mang lại hiệu quả thiết thực cho người lao động. Ngoài các phiên chợ lưu động, sàn giao dịch việc làm của Trung tâm Giới thiệu việc làm Đà Nẵng thường xuyên kết nối cung và cầu lao động, giúp cho người lao động của thành phố nói chung, người lao động thuộc diện di dời giải tỏa, thu hồi đất sản xuất nói riêng có điều kiện để tiếp cận, nâng cao kỹ năng tìm việc làm và có cơ hội cao để chuyển đổi ngành nghề.

Chính quyền thành phố Đà Nẵng đã có chính sách quy định định kỳ tổ chức hội chợ việc làm để kết nối người lao động và người sử dụng lao động. Trung tâm giới thiệu việc làm định kỳ hàng tháng mở phiên chợ việc làm và thu thập, phân tích, xử lý, cung cấp thông tin thị trường lao động cho các đối tượng có nhu cầu; tư vấn chính sách lao động - việc làm, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động; tiếp nhận đăng ký tìm việc làm,

Bảng 2. Một số chương trình, chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo nghề cho các hộ tái định cư trên địa bàn Đà Nẵng từ 2005 - 2020

Chương trình, chính sách ban hành	Nội dung	Văn bản	Năm
Chính sách hỗ trợ, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống đối với đối tượng trong diện giải tỏa, thu hồi đất sản xuất.	Việc làm	65/2005/QĐ-UBND	2005
Chính sách hỗ trợ, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống đối với đối tượng trong diện giải tỏa, thu hồi đất sản xuất (Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2005/QĐ-UBND)	Việc làm	31/2008/QĐ-UBND	2008
Đề án Tổ chức Chợ việc làm định kỳ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Việc làm	33/2006/QĐ-UBND	2006
Chính sách hỗ trợ thông tin thị trường lao động của thành phố	Việc làm	9116/QĐ-UBND	2007
Kế hoạch “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”	Đào tạo nghề	6016/QĐ-UBND	2010

Đề án tổ chức hoạt động hệ thống thông tin thị trường lao động (thay thế Quyết định số 9116)	Việc làm	6458/QĐ-UBND	2010
Chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn	Đào tạo nghề	22/2011/QĐ-UBND	2011
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Việc làm	23/2011/QĐ-UBND	2011
Chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống đối với đối tượng thuộc diện di dời, giải tỏa, thu hồi đất sản xuất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Đào tạo nghề	24/2011/QĐ-UBND	2011
Quy hoạch phát triển đào tạo nghề thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2011 - 2020	Đào tạo nghề	8494/QĐ-UBND	2011
Đề án Giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2012 - 2015	Việc làm	2644/QĐ-UBND	2012
Đề án Đào tạo lao động dịch vụ chất lượng cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020	Đào tạo nghề	9287/QĐ-UBND	2014
Đề án Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp và chuyên gia quản trị doanh nghiệp	Đào tạo nghề	475/QĐ-UBND	2015
Chính sách hỗ trợ dạy nghề, hướng dẫn cách làm ăn cho hộ nghèo Thông qua đề án Giảm nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020	Đào tạo nghề	18/QĐ-UBND	2016
Chính sách quy định đối tượng và mức trợ cấp tốt nghiệp đại học, sau đại học và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành	Đào tạo, việc làm	110/2017/NQ-HĐND	2017
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Đào tạo nghề, việc làm	01/2018/QĐ-UBND	2018
Chính sách tổ chức, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và chế độ trợ cấp đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Đà Nẵng	Đào tạo	15/2018/QĐ-UBND	2018
Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công thành phố Đà Nẵng	Việc làm	28/2019/QĐ-UBND	2019
Chính sách hỗ trợ phát triển khai thác hải sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2019 - 2025.	Việc làm	255/2019/NQ-HĐND	2019
Đề án Xây dựng chi, tổ hội nghề nghiệp tạo tiền đề hình thành Tổ hợp tác, Hợp tác xã trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại dịch vụ giai đoạn 2018 - 2023 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Việc làm	03-ĐA/HNDTP	2019
Chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020 - 2022 (lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp)	Dạy nghề	06/2020/QĐ-UBND	2020

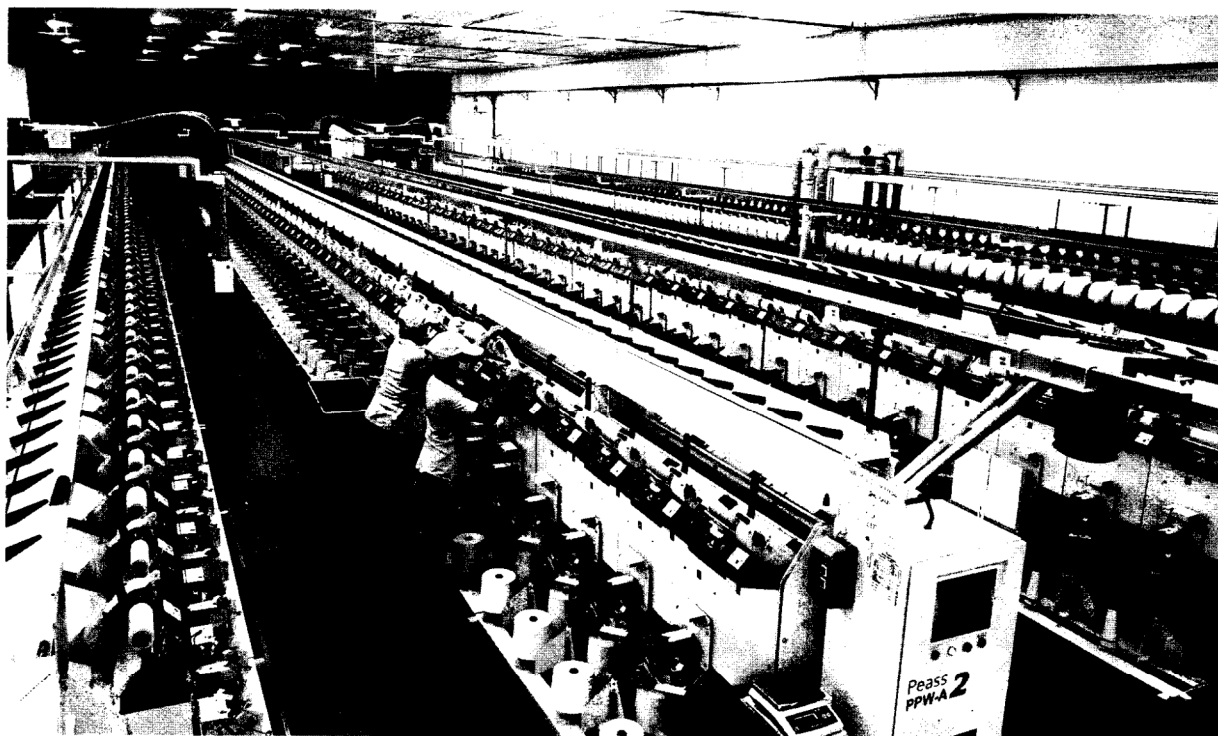
Nguồn: Tổng hợp, 2020

học nghề và tuyển dụng lao động... Kết quả là một số cư dân tái định cư tại thành phố đã tiếp cận được thông tin về thị trường lao động thông qua các trung tâm, phiên chợ việc làm này và đã có một số lượng nhất định lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có việc làm qua các kênh thông tin này.

Bên cạnh đó, thành phố còn có những chủ trương mạnh mẽ, thiết thực nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội như: "Thành phố 5 không", "Thành phố 3 có"; tập trung giải quyết chế độ, bảo đảm đời sống cho gia đình chính sách, gia đình hộ nghèo, khó khăn... Ngoài ra, hầu hết các quận huyện, xã, phường đều tích cực tổ chức những hoạt động hỗ trợ cho người dân tái định cư, như tổ chức gặp mặt, đối thoại trực tiếp với từng hộ gia đình để xác định nhu cầu, từ đó hỗ trợ tín dụng, phương tiện làm ăn, hỗ trợ đào tạo nghề hướng đến chuyển đổi ngành nghề. Cụ thể như tiến hành nhiều đợt khảo sát nhu cầu của người dân trong vùng dự án, đối thoại trực tiếp với người dân để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đồng thời tư vấn ngành nghề đào tạo và giới thiệu việc làm, từ đó giúp bản thân người dân tự lựa chọn cho mình một ngành nghề thích hợp với trình độ, khả năng; chủ động làm việc với Hội doanh nghiệp, các khu công nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động, tạo cầu nối giữa doanh nghiệp với người lao động, cũng như người lao động với

doanh nghiệp. Ngoài ra, một số địa phương đã thành lập Tổ hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo, hộ khó khăn ở khu vực giải tỏa, đáng chú ý như Tổ hỗ trợ xây dựng tại khu đô thị sinh thái Hòa Xuân.

Có thể nói, những nỗ lực tác động đến các nguồn vốn để phát triển sinh kế của cư dân tái định cư đã thu được một số kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên, nhiều chính sách vẫn chưa phát huy được hiệu quả, số lượng người dân tái định cư được hưởng lợi từ các chính sách này vẫn còn hạn chế. Tình trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Tuy đã được quán triệt trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động nhưng các ban/ngành chức năng liên quan như Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ban dự án, đền bù, giải tỏa lại không được chính quyền quy định cụ thể trách nhiệm và sự phối hợp giữa các ngành chức năng nói trên, nên vấn đề giải quyết việc làm cho người mất đất vẫn thực hiện theo kiểu "được thì tốt không thì thôi". Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, tư vấn cho người lao động tái định cư dù đã được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng ở các cơ quan hành chính các cấp, nhưng giữa việc thông báo và việc tiếp cận có một khoảng cách nhất định... Mặt khác, ngoài việc công khai chính sách thì việc tuyên truyền, tư vấn cho họ ngành nghề phù hợp, thời gian, địa điểm học và nơi làm việc sau khi kết thúc khóa học cũng là vấn đề



hết sức cần thiết nhưng đang còn bỏ ngỏ. Những lý do trên đã khiến người dân tái định cư không thiết tha, chủ động đón nhận thông tin, thậm chí nghi ngờ khả năng tiếp cận các chính sách dành cho mình. Hơn nữa, chính quyền đóng một số vai trò quan trọng trong tái định cư nhưng các chức năng hành chính lại thường xung đột với thị trường.¹⁰ Vì vậy, cư dân tái định cư tùy từng thời kỳ phải đối mặt với những khó khăn nhất định trong sử dụng vốn xã hội phục vụ cho chiến lược sinh kế của bản thân và gia đình.

Kết luận

Với những phân tích trên, mỗi cư dân tái định cư trong chiến lược sinh kế đều sử dụng các nguồn vốn vừa trên nền tảng của bản thân, vừa trên những nền tảng mà chính quyền thành phố cung ứng. Tuy nhiên, các loại vốn này của cư dân tái định cư Đà Nẵng không thực sự mang tính thuần nhất như của một số cộng đồng tái định cư khác tùy vào quyết định tiếp cận sử dụng vốn của mỗi cá nhân, gia đình. Bên cạnh đó, quá trình CNH - HĐH một mặt tạo ra những cơ hội, một mặt đặt ra những thách thức trong chiến lược sinh kế của cư dân tái định cư. Trong quá trình ấy, mỗi giai đoạn có sự khác nhau về phương án giải tỏa, bồi thường, cũng như các chính sách hậu tái định cư. Vì vậy, sự khác nhau trong sử dụng vốn phục vụ chiến lược sinh kế không chỉ biểu hiện ở mối quan hệ giữa các cá nhân, gia đình tại một thời điểm mà còn biểu hiện ở những nhóm tái định cư của thời điểm này so với nhóm tái định cư của một thời điểm khác trong tiến trình giải tỏa, di dời và bố trí tái định cư tại thành phố Đà Nẵng.

L.T.L.

CHÚ THÍCH

¹ Trần Thọ Đạt, "Vai trò của vốn con người trong các mô hình tăng trưởng", *Nghiên cứu Kinh tế*, Số 393 tháng 2.2011.

² Chandima Dilhani Daskon, "Cultural Resilience - The Roles of cultural traditions in sustaining rural livelihoods: A case study from rural Kandyan villages in central Sri

Lanka", *Sustainability*, 2, (2010), 1080-1100; doi:10.3390/su2041080.

³ Đối tượng thuộc diện chính sách gồm: con liệt sĩ, con thương binh, gia đình diện chính sách, có công với cách mạng, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc ít người, lao động thuộc diện chính trang đô thị, nông dân không còn đất sản xuất.

⁴ Nguyễn Dũng Anh, *Việc làm cho nông dân bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ kinh tế, (Học viện Chính trị quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2014).

⁵ Nguyễn Duy Thắng, "Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của đô thị hóa", *Xã hội học*, Số 4, (2007), 37-47.

⁶ Ngô Thị Phương Lan, *Từ lúa sang tôm: hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, (Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia, 2014), 77-78.

^{7, 10} Tien Anh Tran, *The role of social capital and community ties in rebuilding livelihoods of displaced households in peri-urban areas of Ho Chi Minh City*, Graduate Thesis and Dissertation, (Ames, Iowa: Iowa State University, 2015), 102.

⁸ Lê Thị Thanh Hương, "Sự thích ứng của các nhóm dân cư Đà Nẵng với môi trường sống mới khi thành phố ngày càng đô thị hóa", *Tâm lý học*, Số 6 (111), (2008), 8.

⁹ Theo Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. DFID. 2001. "Sustainable Livelihoods Guidance Sheets". *DFD Report*.
2. Nguyễn Dũng Anh. 2014. *Việc làm cho nông dân bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng*. Luận án tiến sĩ kinh tế. Học viện Chính trị Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lê Thị Thanh Hương. 2008. "Sự thích ứng của các nhóm dân cư Đà Nẵng với môi trường sống mới khi thành phố ngày càng đô thị hóa". *Tâm lý học*. Số 6 (111).
4. Ngô Thị Phương Lan. 2014. *Từ lúa sang tôm: hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia.
5. Pierre Bourdieu. 1983. *The form of social structure and action*. Cambridge University Express.
6. Nguyễn Duy Thắng. 2007. "Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của đô thị hóa". *Xã hội học*. Số 4.
7. Tien Anh Tran. 2015. *The role of social capital and community ties in rebuilding livelihoods of displaced households in peri-urban areas of Ho Chi Minh City*. Graduate Thesis and Dissertation. Ames, Iowa: Iowa State University.